

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

Số: 12/QĐ-BTNMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC(md).

Trần Hồng Hà

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
(Ban hành theo Quyết định số 12/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH NĂM 2019.

1. Năm 2018, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, với phương châm hành động của Chính phủ là **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”**, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã theo sát tình hình thực tiễn, dự báo các xu thế, chỉ đạo các vấn đề trọng tâm của ngành, đặt quyết tâm cao trong cải cách hành chính, giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để đưa các nguồn lực tài nguyên vào phát triển kinh tế - xã hội, chủ động giải quyết vấn đề môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, thực hiện thành công các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển của ngành. Tập trung tổng kết, sơ kết đánh giá tình hình triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật, quy hoạch, chiến lược để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chuẩn bị nền tảng, động lực cho phát triển những năm tiếp theo và giai đoạn mới.

Năm 2018, đã thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận:

Bộ đã hoàn thành tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TW về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, trình Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về chiến lược phát triển kinh tế biển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Trình ban hành 01 luật, 11 nghị định, 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 31 Thông tư. Cắt giảm 62,6% điều kiện đầu tư kinh doanh; bãi bỏ, đơn giản hóa 51,3% thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

Cả nước đã hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận đối với 97,2% diện tích cần cấp để đất đai tham gia thị trường bất động sản. Việc thực hiện giao đất theo hình thức đấu giá đất đã tăng đóng góp nguồn thu từ đất cho ngân sách nhà nước; khắc phục được thất thoát. Đã cơ bản hoàn thành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh để làm cơ sở cho triển khai các dự án đầu tư.

Công tác bảo vệ môi trường đã có những chuyển biến tích cực, có 121 KCN đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý và chất

thải rắn sinh hoạt được thu gom, tái chế tăng (85,5% ở khu vực đô thị, 55% khu vực ngoại thành). Công tác bảo vệ môi trường đã chuyển từ bị động giải quyết, khắc phục sang chủ động phòng ngừa; xu hướng suy giảm nhanh chất lượng môi trường đã được kiểm chế.

Chất lượng công tác dự báo, cảnh báo thiên tai đã được nâng lên, độ chính xác trong bản tin dự báo bão của Việt Nam đã dần tiệm cận với trình độ dự báo bão của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới (Sai số dự báo trung bình trong các thời hạn trước 24, 48 và 72 giờ lần lượt trong trong khoảng 100-150km, 150-200km, 250-300km).

2. Năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, với phương châm hành động của Chính phủ **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, bút phá, sáng tạo, phát triển”**, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề ra nhiệm vụ và giải pháp chính, đặt ra các chỉ tiêu phát triển của ngành để thực hiện, nhằm đẩy nhanh hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các quy định pháp luật quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; nâng cao năng lực cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, công nghệ; củng cố và hiện đại hóa mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về đo đạc bản đồ, viễn thám; quản lý tài nguyên: đất, nước, địa chất khoáng sản, tài nguyên môi trường biển; bảo vệ môi trường và nâng cao độ chính xác trong cảnh báo, dự báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ quét, lụt, sạt lở đất, hạn hán, ưu tiên tập trung đầu tư các dự án lớn, mang tính đột phá, tạo nguồn lực mạnh mẽ phục vụ đắc lực cho công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019

Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

a) Tập trung hoàn thiện, trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, cho ý kiến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; xây dựng dự án Luật sửa đổi một số điều Luật Bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản dưới luật theo hướng ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc, bất cập và gắn với tăng cường phổ biến, thực thi pháp luật, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh. Ưu tiên bố trí nguồn lực cao nhất để nâng cao chất lượng xây dựng thể chế và văn bản pháp luật năm 2019. Xây dựng, điều chỉnh, triển khai hiệu quả các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019c) Triển khai sử dụng hoàn toàn văn bản hồ sơ điện tử, chứng từ điện tử, chứng thực chữ ký số trong công tác hành chính của Bộ; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong các hệ thống thông tin, các dịch vụ, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ; hoàn thiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ kết nối với cổng Dịch vụ công quốc gia; hệ thống một cửa quốc gia, một cửa ASEAN; hệ thống một cửa điện tử; thực hiện công tác chỉ đạo điều hành giữa Bộ với các Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương qua các hệ thống thông tin.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường theo hướng phối hợp chặt chẽ từ cơ sở, tập trung vào những vấn đề bức xúc đang đặt ra như: Các dự án chậm đưa đất vào sử dụng để lãng phí đất đai, sử dụng đất đai trong cổ phần hóa doanh nghiệp; các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cao, chấp hành pháp luật về quản lý, thăm dò, khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; vận hành điều tiết của các hồ chứa, khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ, các vụ việc tồn đọng kéo dài.

đ) Tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng gắn với chuyển giao công nghệ, thực hiện cơ chế đầu thầu đặt hàng; nâng cao năng lực, tiềm lực khoa học công nghệ, đào tạo và bồi dưỡng của các Viện, Trường Đại học thuộc Bộ. Tăng cường phối hợp nghiên cứu khoa học và công nghệ, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh về tài nguyên và môi trường, tập trung trước mắt vào nghiên cứu để hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật xử lý, giải quyết các vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

e) Triển khai xây dựng đề án tổng thể cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các bộ, ngành phục vụ Chính phủ điện tử; triển khai cơ sở dữ liệu về đất đai, cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đẩy mạnh thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo.

g) Tiếp tục hội nhập sâu, rộng và chủ động hơn trong các khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương và các diễn đàn quốc tế về tài nguyên và môi trường; đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường vai trò, sự tham gia và tiếng nói của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác này; đẩy mạnh hợp tác về khoa học công nghệ và trao đổi thông tin pháp luật về tài nguyên và môi trường; vận động, thu hút, thực hiện và quản lý có hiệu quả nguồn hỗ trợ nước ngoài phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của ngành tài nguyên và môi trường và thực hiện các nhiệm vụ nhằm phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

h) Siết chặt kỷ luật tài chính, điều hành thận trọng, linh hoạt và tiết kiệm, phù hợp với chính sách tài khóa và chính sách vĩ mô. Giám sát chặt chẽ đầu tư công, nguồn vốn vay, sử dụng và quản lý hiệu quả tài sản công, kiên quyết phòng chống tham nhũng, lãng phí. Triển khai nhanh, quyết liệt công tác phân bổ giao dự toán ngân sách nhà nước, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, phân đầu giải ngân dự toán đúng tiến độ được giao. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nước. Tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí cho các nhiệm vụ chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiết kiệm tối đa chi phí tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh thiết, công tác nước ngoài. Cân đối đủ nguồn lực đảm bảo thực hiện đúng lộ trình cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết Trung ương, thực hiện các vấn đề cấp bách của ngành tài nguyên và môi trường theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các vấn đề khác của ngành, đặc biệt là các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này và thực hiện cam kết quốc tế. Xử lý nghiêm các trường hợp cố tình chậm triển khai, thực hiện trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu.

i) Tăng cường tổ chức truyền thông, phổ biến các cơ chế chính sách, chủ trương lớn về tài nguyên và môi trường ngay từ khi chuẩn bị, ban hành và tổ chức triển khai; tổ chức hiệu quả các ngày lễ lớn, sự kiện về tài nguyên và môi trường trong năm; tuyên truyền phổ biến rộng rãi, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thực hiện chức năng giám sát, phản biện và tham vấn cộng đồng về tài nguyên và môi trường. Tổng kết các phong trào, mô hình bảo vệ môi trường có sự tham gia của cộng đồng và định hướng tuyên truyền các phong trào, mô hình cho giai đoạn tiếp theo; tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về tác hại của chất thải túi ni lông khó phân hủy, phong trào chống rác thải nhựa, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; nâng cao nhận thức về tác hại của chất thải rắn sinh hoạt nông thôn, bảo vệ môi trường làng nghề trên phạm vi cả nước, đề xuất các giải pháp, mô hình quản lý, sử dụng có hiệu quả.

Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình phối hợp công tác giữa Bộ và các địa phương, giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các Bộ, cơ quan trung ương.

2. Nhiệm vụ từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành

2.1. Lĩnh vực quản lý đất đai

a) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, phát huy nguồn lực đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đổi mới, nâng cao chất lượng việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá quản lý, sử dụng đất đai để thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện thường xuyên việc đánh giá thi hành Luật đất đai, hiệu quả quản lý và sử dụng đất đai, tác động của chính sách pháp luật đất đai đến kinh tế xã hội và môi trường.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện quản lý đất đai công khai, minh bạch, hiệu quả, trong đó: tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và công bố công khai các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai gắn với việc xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất đai; đổi mới tiếp cận đất đai thực hiện các dự án đầu tư; thực hiện liên thông thủ tục hành chính về đất đai với cơ quan thuế; nhân rộng việc thực hiện liên thông thuế, kết nối, trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan tài nguyên và môi trường; các địa phương nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công về đất đai và tài sản khác gắn liền với đất cho người dân và doanh nghiệp, tập trung rà soát rút ngắn thời gian thực hiện chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền tài sản trên đất để nâng cao chỉ số hài lòng của người dân (PAPI).

c) Tổ chức thực hiện công tác kiểm kê đất đai; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt là đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đặc dụng; rà soát, nghiên cứu chuyển đổi quy hoạch đất lúa kém hiệu quả để chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi hiệu quả cao hơn; khắc phục tình trạng lãng phí tài nguyên đất, để hoang hóa hoặc sử dụng sai mục đích; lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Các địa phương tập trung đẩy mạnh việc rà soát, xử lý công bố công khai các dự án nhà đầu tư chậm đưa đất vào sử dụng để lãng phí đất đai; rà soát tình hình hình sử dụng quỹ đất công ích. Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất; thực hiện việc đấu giá đất công khai việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền sử dụng đất để thực hiện mục đích kinh doanh thương mại.

d) Xây dựng, hoàn thiện phần mềm quản lý vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai để thực hiện thống nhất, chỉ đạo và hỗ trợ về kỹ thuật cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; báo cáo đề xuất Chính phủ bố trí kinh phí hàng năm để hỗ trợ các địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉ đạo các địa phương tiếp tục đầu tư kinh phí để hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hướng tới tăng số huyện và số tỉnh đưa cơ sở dữ liệu đất đai vào vận hành khai thác, sử dụng. Lập dự án tổng thể đo đạc, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm quản lý chặt chẽ, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại khu vực 05 tỉnh Tây nguyên giai đoạn 2019-2025.

đ) Tổ chức điều tra, đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp sau khi rà soát, sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông, lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng; tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng đất nông, lâm nghiệp đối với các loại hình giao khoán, cho thuê đất gắn với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Các địa phương quyết liệt triển khai hoàn thành việc sắp xếp đất đai của các công ty nông, lâm nghiệp thuộc diện phải sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP.

e) Thực hiện tốt công tác đối thoại để tạo sự đồng thuận của nhân dân trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; bảo đảm an sinh cho người có đất bị thu hồi, giảm khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thông tin phản ánh vi phạm về đất đai; tập trung thanh tra việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai các cấp, trọng tâm là các thủ tục về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

2.2. Lĩnh vực tài nguyên nước

a) Rà soát, điều chỉnh bổ sung 05 quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông: Đồng Nai, Hương, Vu Gia - Thu Bồn, Cã, Srêpôk; hoàn thành Quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Lập nhiệm vụ và triển khai thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước, Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia.

c) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, trọng tâm là rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về cấp phép khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước, xử lý, trám lấp giếng không sử dụng; bảo vệ nước dưới đất, các định mức kinh tế-kỹ thuật, đơn giá... để đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới; xây

dụng các quy định, hướng dẫn xác định và công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu hồ chứa để quản lý, giám sát chặt chẽ hơn các hoạt động vận hành hồ chứa.

d) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, trọng tâm là các quy định mới như: Ưu đãi đối với việc sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên cơ sở áp dụng hệ thống thông tin, công nghệ tự động trực tuyến; giám sát việc vận hành của các hồ chứa theo quy trình liên hồ và việc xả dòng chảy tối thiểu.

đ) Đẩy mạnh công tác điều tra tìm kiếm nguồn nước dưới đất ở vùng khan hiếm nước, thiếu nước, hải đảo; nghiên cứu xây dựng để sớm đưa vào hệ thống giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, giám sát việc vận hành của hệ thống liên hồ chứa, vận hành duy trì dòng chảy tối thiểu của các hồ chứa thủy điện bằng công nghệ tự động, trực tuyến.

e) Tập trung kiểm tra, thanh tra và kiên quyết xử lý vi phạm đối với việc vận hành giảm lũ cho hạ du, điều tiết nước trong mùa cạn, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu của các hồ theo quy trình liên hồ chứa; bảo đảm khai thác sử dụng công bằng hợp lý nguồn nước chung của 6 quốc gia trên lưu vực sông Mê Công và bảo đảm sử dụng nước ở bất kỳ một quốc gia nào cũng không được gây hại đáng kể cho các quốc gia khác theo Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc tế.

2.3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

a) Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản.

b) Xây dựng, hoàn thiện, trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội về miễn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên nước; Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 33/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Lập bản đồ địa chất, khoáng sản, khu vực địa chất tai biến, địa chất môi trường; bản đồ chuyên đề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đánh giá tiềm năng tài nguyên từng loại, nhóm khoáng sản quan trọng, di sản địa chất, công viên địa chất.

c) Tập trung thực hiện đề án “Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế - xã hội”; xây dựng trình Chính phủ đề án “Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, đặc biệt đẩy mạnh việc kiểm soát hoạt động khoáng sản thông qua sổ giám sát hoạt động khoáng sản.

d) Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương và đa phương, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đặc biệt là khoáng sản ẩn sâu.

2.4. Lĩnh vực quản lý biển và hải đảo

a) Xây dựng các chương trình, nhiệm vụ, đề án nhằm triển khai Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung xây dựng Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ của cả nước.

b) Triển khai các nội dung của Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường về biển, hải đảo năm 2021-2026.

c) Thực hiện hiệu quả các dự án điều tra, khảo sát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường các vùng biển Việt Nam phục vụ định hướng phát triển kinh tế - xã hội các vùng ven biển thuộc Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020.

d) Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương và đa phương, tích cực tham gia các hoạt động trong khuôn khổ của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở tích cực, chủ động, đảm bảo an ninh quốc gia và phù hợp với định hướng hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực biển và hải đảo. Tăng cường huy động nguồn lực từ hợp tác quốc tế phục vụ nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

đ) Thực hiện nhiệm vụ hoạt động của cơ quan đầu mối thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu trên biển. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển triển khai kế hoạch kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo. Củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biển, hải đảo ở cấp trung ương và địa phương; tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp trong quản lý nhà nước về biển và hải đảo.

2.5. Lĩnh vực môi trường

a) Hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi một số điều Luật Bảo vệ môi trường; triển khai xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/11/2016. Triển khai xây dựng Đề án hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hội nhập quốc tế bảo đảm lộ trình tiến tới năm 2021 áp dụng mức quy chuẩn, tiêu chuẩn tương đương các nước phát triển.

b) Lập nhiệm vụ và triển khai Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia và Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia.

c) Đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, kiên quyết xử lý nghiêm đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Kiểm

soát chặt chẽ đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, tập trung vào các khu công nghiệp đang hoạt động nhưng chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; đẩy mạnh thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Áp dụng hệ thống các tiêu chí môi trường sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư; ban hành các quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường. Tăng cường vận hành hiệu quả đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đảm bảo hoàn thành trước năm 2020;

d) Xây dựng cơ chế và tổ chức triển khai hoạt động giám sát đối với các cơ sở, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, nhất là trong thu hút đầu tư vào các khu vực nhạy cảm về môi trường. Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát các nguồn ô nhiễm xuyên biên giới, tác động bất lợi từ hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa lên môi trường. Thực hiện nghiêm, chặt chẽ việc thẩm định công nghệ trong chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa nhập khẩu trái phép các loại chất thải vào nước ta. Xây dựng, ban hành và tổ chức đánh giá kết quả bảo vệ môi trường cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu tổng hợp và thống nhất về môi trường.

2.6. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng văn bản pháp luật và các hướng dẫn về ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung hướng dẫn về lộ trình, phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; kế hoạch quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu; tích hợp nội dung biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương huy động trí tuệ, nguồn lực quốc tế, nguồn lực trong nước để triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuẩn bị các điều kiện để hình thành thị trường các-bon ở Việt Nam và tham gia thị trường thế giới. Tham mưu xác định các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu ưu tiên cấp vùng, liên vùng, có tính lan tỏa và đề ra các giải pháp và nguồn lực thực hiện, xây dựng đề án phát triển bền vững khu vực duyên hải Nam Trung Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020. Chú trọng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án của Chương trình, tập trung vào cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam, kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; thiết lập hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm tra cấp quốc gia cho các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đề xuất các mô hình phát triển sinh kế cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Tăng cường hướng dẫn và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu.

2.7. Lĩnh vực khí tượng thủy văn

a) Đổi mới công tác dự báo theo hướng hiện đại, tiếp cận theo tổ chức Khí tượng thế giới là dự báo tác động của khí tượng thủy văn đến các ngành nghề như nông nghiệp, ngư nghiệp, giao

thông vận tải, y tế, du lịch... để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội. Bản tin dự báo thời tiết được thể hiện chi tiết đến từng thành phố, thị xã trên toàn quốc. Theo dõi chặt chẽ và dự báo kịp thời, sát diễn biến các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm như: áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng, nắng nóng, hạn hán, rét hại, sương muối; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho các cơ quan, ban ngành Trung ương, địa phương, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai.

b) Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2020 “Tập trung hiện đại hóa, tự động hóa trong đo đạc quan trắc phục vụ dự báo”, thực hiện xã hội hóa trong phát triển mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và tăng nguồn số liệu đo mưa, gió tự động phục vụ dự báo phòng chống thiên tai. Quản lý chặt chẽ hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên toàn quốc; chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trên mạng lưới nhằm đảm bảo chất lượng điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn.

c) Đảm bảo sự hoạt động ổn định của hệ thống máy chủ; các hệ thống thông tin chuyên ngành khí tượng thủy văn liên lạc thông suốt trong mọi tình huống. Thu thập, xử lý, lưu trữ, truyền thông tin số liệu, dữ liệu khí tượng thủy văn đầy đủ, chính xác phục vụ dự báo và chỉ đạo phòng tránh thiên tai.

2.8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ

a) Xây dựng và tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đo đạc bản đồ, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và hệ thống định mức kinh tế-kỹ thuật về đo đạc bản đồ sau khi Luật Đo đạc và Bản đồ có hiệu lực. Xây dựng Chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ đến năm 2030, định hướng phát triển đến năm 2040; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (NSDI) phục vụ Chính phủ điện tử, quản lý lãnh thổ, biên giới quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

b) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ hoàn thiện, hiện đại hóa hệ tọa độ quốc gia đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thiện, hiện đại hóa hệ độ cao quốc gia nhằm sớm công bố hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính; tiếp tục cập nhật, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình cho các khu vực trên cả nước

c) Từng bước xây dựng các quy định về hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu của xã hội.

2.9. Lĩnh vực viễn thám

a) Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo quản lý, ứng dụng viễn thám trên phạm vi cả nước; xây dựng trạm dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh, triển khai giám sát một số vùng biển, đảo trọng điểm xa bờ bằng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng. Tổ chức giám sát diễn biến xấu về tài nguyên và môi trường, giám sát tài nguyên môi trường biển, giám sát hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên nước ngoài biên giới và giám sát tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất bằng công nghệ viễn thám.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ tài nguyên về vệ tinh, trao đổi dữ liệu viễn thám, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ viễn thám trong giám sát tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt là ứng dụng công nghệ viễn thám giám sát thiên tai. Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, phục vụ cho việc thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám, đáp ứng kịp thời nguồn dữ liệu viễn thám phục vụ công tác điều tra cơ bản và giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.10. Lĩnh vực công nghệ thông tin và dữ liệu tài nguyên môi trường

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tạo điều kiện thúc đẩy về ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai vận hành Chính phủ điện tử trong ngành; đề xuất chính sách, nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong quản lý tài nguyên và môi trường.

b) Đảm bảo Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin vận hành an toàn phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ.

c) Vận hành, hoàn thiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ kết nối với cổng Dịch vụ công quốc gia; hệ thống một cửa quốc gia, một cửa ASEAN tại Bộ nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và các tổ chức, doanh nghiệp; xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin toàn ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành giữa Bộ với các Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương.

d) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các bộ, ngành phục vụ Chính phủ điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Danh mục các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu

Danh mục các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình hành động, gồm:

a) Phụ lục 01: Các chỉ tiêu chủ yếu của lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2019.

b) Phụ lục 02: Danh mục văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 2019.

c) Phụ lục 03: Danh mục nhiệm vụ, đề án triển khai năm 2019.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng Chương trình công tác năm 2019 của đơn vị nhằm cụ thể hóa, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương

trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành trước ngày 20 tháng 01 năm 2019 và gửi về Bộ qua Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi đôn đốc.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về việc chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để phục vụ Bộ trưởng tham dự các phiên họp Chính phủ.

d) Sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 11 năm 2019 để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và Chương trình hành động này, xây dựng Chương trình công tác năm 2019 của ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương; lựa chọn một số nội dung, chủ đề, mô hình để đề xuất với Ủy ban các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương thực hiện và báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý tài nguyên và môi trường; chủ động tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các giải pháp đột phá trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý, trong đó lưu ý kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các mô hình điểm gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp.

d) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2019 để tổng hợp.

4. Vụ Thi đua và Khen thưởng và tuyên truyền phối hợp Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

5. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ định kỳ 6 tháng/lần tổ chức Hội nghị của Bộ trưởng với Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường theo từng nội dung chuyên đề; tiếp tục hoàn thiện phần mềm tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường đáp ứng nhu cầu tra cứu của các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp và người dân.

6. Giao Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định số 2016/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2016 có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình hành động này.

7. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp định kỳ báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.

PHỤ LỤC 01

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số: 12/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch thực hiện năm 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Tỷ lệ che phủ rừng	41,85%	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT và các Bộ, ngành, địa phương	Chỉ tiêu trong KH phát triển KTXH
2	Tỷ lệ Khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	89%	Bộ KH&ĐT	Bộ TN&MT và các Bộ, ngành, địa phương	Chỉ tiêu trong KH phát triển KTXH
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	87%	Bộ Xây dựng	Bộ TN&MT và các Bộ, ngành, địa phương	Chỉ tiêu trong KH phát triển KTXH
4	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, làng nghề được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	80%	Bộ TN&MT	các Bộ ngành, địa phương	Lĩnh vực môi trường
5	Tỷ lệ các hồ chứa lớn, quan trọng trên các lưu vực sông được vận hành theo cơ chế phối hợp liên hồ chứa (%)	62%	Bộ TN&MT	các Bộ ngành, địa phương	Lĩnh vực Tài nguyên nước
6	Tỷ lệ tỉnh/thành phố hoàn thành việc điều tra, đánh giá tài nguyên đất (%)	50%	Bộ TN&MT	các Bộ ngành, địa phương	Lĩnh vực đất đai

7	Tỷ lệ diện tích phần đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền (%)	70%	Bộ TN&MT	các Bộ ngành, địa phương	Lĩnh vực ĐCKS
8	Tỷ lệ diện tích vùng biển được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000	12%	Bộ TN&MT	các Bộ ngành, địa phương	Lĩnh vực Biển và Hải đảo
9	Tỷ lệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành và thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (%)	85%	Bộ TN&MT	các Bộ ngành, địa phương	Lĩnh vực BĐKH
10	Tỷ lệ trạm quan trắc tự động trên tổng số trạm quan trắc khí tượng thủy văn (%)	55%	Bộ TN&MT	các Bộ ngành, địa phương	Lĩnh vực KTTV

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT XÂY DỰNG NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số: 12/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2019

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm		Thời gian trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng	
I	Lĩnh vực đất đai			
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2013	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	2/2019
2	Nghị định thay thế Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về Khung giá đất	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	9/2019
II	Lĩnh vực môi trường			
3	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	11/2019

4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế, Thanh tra Bộ	11/2019
5	Quyết định thay thế Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ	6/2019
6	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố môi trường	Vụ Pháp chế	Vụ Pháp chế Tổng cục Môi trường	8/2019
III Lĩnh vực địa chất và khoáng sản				
7	Nghị quyết của Quốc hội về miễn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên nước	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế	5/2019
8	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế, Thanh tra Bộ	10/2019
IV Lĩnh vực khí tượng thủy văn				
9	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	6/2019
10	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	8/2019
11	Quyết định thay thế Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	11/2019
V Lĩnh vực biển và hải đảo				
12	Nghị định thay thế Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế, Thanh tra Bộ	5/2019

	chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển			
13	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế, Thanh tra Bộ	12/2019
V	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ			
14	Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế, Thanh tra Bộ	9/2019

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

STT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian ban hành
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	
I	Lĩnh vực đất đai				
1	Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Tổng cục Quản lý đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	6/2019
II	Lĩnh vực môi trường				
2	Thông tư quy định chi tiết một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	6/2019
III	Lĩnh vực địa chất, khoáng sản				
3	Thông tư quy định kỹ thuật công tác thăm dò và đánh giá trữ lượng khoáng sản đá ốp lát và đá cảnh	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	7/2019
4	Thông tư quy định công tác nghiệm thu kết quả thi công các đề án, báo cáo thuộc lĩnh vực địa chất, khoáng sản	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	9/2019
IV	Lĩnh vực khí tượng thủy văn				
5	Thông tư quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo	Tổng cục Khí tượng thủy	Tổng cục Khí tượng thủy	- Vụ Khoa học	7/2019

	hải văn	văn	văn	và Công nghệ; - Vụ Pháp chế	
6	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	10/2019
V	Lĩnh vực biển và hải đảo				
7	Thông tư quy định kỹ thuật đánh giá vật chất nhận chìm ở biển và lựa chọn khu vực biển để nhận chìm	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	10/2019
VI	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ				
8	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	Vụ Pháp chế	3/2019
9	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	Vụ Pháp chế	3/2019
10	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hưng Yên	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	Vụ Pháp chế	4/2019
11	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	Vụ Pháp chế	4/2019
12	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	Vụ Pháp chế	5/2019
13	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nam Định	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	Vụ Pháp chế	6/2019
14	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn,	Cục Đo đạc, Bản đồ và	Cục Đo đạc, Bản đồ và	Vụ Pháp chế	6/2019

	kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình	Thông tin địa lý Việt Nam	TTDL Việt Nam		
15	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc trực tiếp phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000. 1:5.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	7/2019
16	Thông tư quy định kỹ thuật thành lập mô hình số bề mặt và mô hình số độ cao bằng công nghệ quét LiDAR mặt đất	Viện Khoa học đo đạc và bản đồ	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam; - Viện Khoa học đo đạc và bản đồ	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	8/2019
VII Lĩnh vực viễn thám					
17	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	6/2019
18	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thành lập bản đồ chuyên đề bằng ảnh viễn thám tỷ lệ 1: 5.000, 1: 10.000, 1:500.000, 1: 1.000.000	Cục Viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	7/2019
19	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đo khống chế ảnh viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	7/2019
20	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật vận hành trạm thu dữ liệu viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	9/2019
VIII Lĩnh vực khác					
21	Thông tư quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất	Vụ Khoa học và Công nghệ	Vụ Khoa học và Công nghệ	Vụ Pháp chế	8/2019
22	Thông tư ban hành quy định tiêu	Vụ Khoa học	Vụ Khoa học	Vụ Pháp chế	9/2019

	chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia	và Công nghệ	và Công nghệ		
23	Thông tư quy định về chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo thuộc ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	8/2019
24	Thông tư quy định kỹ thuật duy trì, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường	Cục CNTT và Dữ liệu TNMT	Cục CNTT và Dữ liệu TNMT	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	10/2010

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 12/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Ghi chú
I	Lĩnh vực đất đai				
1	Nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Quản lý đất đai	Tháng 6	TTgCP	
2	Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia	Tổng cục Quản lý đất đai	Tháng 11	TTgCP	
3	Đề án Kiểm kê đất đai năm 2019	Tổng cục Quản lý đất đai	Tháng 6	TTgCP	
II	Lĩnh vực môi trường				
4	Đề án tăng cường năng lực hội nhập quốc tế lĩnh vực môi trường	Tổng cục Môi trường	Tháng 6	TTgCP	
5	Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Môi trường	Tháng 6	TTgCP	
6	Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Môi trường	Tháng 6	TTgCP	
7	Đề án tổng thể về mô hình công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn	Tổng cục Môi trường	Tháng 9	TTgCP	
8	Đề án tổng thể tăng cường quản lý môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề	Tổng cục Môi trường	Tháng 11	TTgCP	

9	Đề án tăng cường quản lý rác thải nhựa ở Việt Nam	- Tổng cục Môi trường - Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Viện Chiến lược CS TNMT	Tháng 12	TTgCP	
10	Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Môi trường	Tháng 6	TTgCP	
III Lĩnh vực Địa chất khoáng sản					
11	Đề án đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tháng 9	TTgCP	
IV Lĩnh vực Biển và Hải đảo					
12	Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Tháng 3	TTgCP	
13	Nhiệm vụ lập quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		Tháng 6	CP	
14	Kế hoạch hành động quốc gia về rác thải nhựa đại dương đến năm 2030		Tháng 6	TTgCP	
15	Đề án xây dựng Trung tâm quốc tế về rác thải nhựa đại dương		Tháng 12	TTgCP	
16	Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030		Tháng 12	TTgCP	
17	Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		Tháng 6	TTgCP	
18	Kế hoạch Tổng thể và Kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XII số 36/NQ-TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045		Tháng 5	TTgCP	
19	Đề án kiện toàn cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu		Tháng 9	TTgCP	
20	Đề án tăng cường năng lực cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tổng hợp và điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo đến	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Tháng 10	CP	

	năm 2030				
21	Đề án tổ chức diễn đàn đối thoại chính sách Biển Việt Nam - Nhật Bản		Tháng 9	TTgCP	
V	Lĩnh vực Biến đổi khí hậu				
22	Kế hoạch quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu (NAP) giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050		Tháng 11	TTgCP	
23	Đề án Tổ chức Hội nghị của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.	Cục Biến đổi khí hậu	Tháng 10	TTgCP	
24	Đề án Tổ chức Hội nghị Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước		Tháng 4	TTgCP	
VI	Lĩnh vực Quản lý tài nguyên nước				
25	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quy trình vận hành liên hồ chứa sông Đồng Nai; sông Cà; sông Hương; sông Srêpôk; sông Vu Gia-Thu Bồn	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Tháng 11	TTgCP	
VI	Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý				
26	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật đo đạc và bản đồ	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTDL Việt Nam	Tháng 3	TTgCP	
27	Đề án Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia		Tháng 10	TTgCP	
VIII	Lĩnh vực khác				
28	Đề án hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các bộ, ngành	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu TNMT	Tháng 11	TTgCP	
29	Đề án tăng cường năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 10	TTgCP	